

近畿予選1日目
Women's Foil
Round #1
2024/07/06

Pool #	Strip #	Time	Referee(s)
1			フルーヴ



Pool ID #100

		1	2	3	4	5	V	TS	TR	Ind	PI
今井, くるみ 京都府立乙訓高等学校	1		D2	D1	V5	D4	1	12	15	-3	4
清水, 菜乃 京都府立乙訓高等学校	2	V5		V4	V5	D3	3	17	9	+8	2
鶴本, 翠 和歌山北高校	3	V5	D3		V5	D2	2	15	10	+5	3
金丸, 依央 河南町フェンシングクラブ	4	D0	D0	D0		D0	0	0	20	-20	5
竹山, 夏芽 京都府立乙訓高等学校	5	V5	V4	V5	V5		4	19	9	+10	1

Standard bout order (10 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	今井, くるみ vs. 清水, 菜乃	D2 - V5	
2	3 vs. 4	鶴本, 翠 vs. 金丸, 依央	V5 - D0	
3	5 vs. 1	竹山, 夏芽 vs. 今井, くるみ	V5 - D4	
4	2 vs. 3	清水, 菜乃 vs. 鶴本, 翠	V4 - D3	
5	5 vs. 4	竹山, 夏芽 vs. 金丸, 依央	V5 - D0	
6	1 vs. 3	今井, くるみ vs. 鶴本, 翠	D1 - V5	
7	2 vs. 5	清水, 菜乃 vs. 竹山, 夏芽	D3 - V4	
8	4 vs. 1	金丸, 依央 vs. 今井, くるみ	D0 - V5	
9	3 vs. 5	鶴本, 翠 vs. 竹山, 夏芽	D2 - V5	
10	4 vs. 2	金丸, 依央 vs. 清水, 菜乃	D0 - V5	

京都府 坂上浩一
滋賀県 岸本英幸
兵庫県 西山 勝
奈良県 杉田敬史
大阪府 好嶋裕一
和歌山 新井

Referee: _____ Scorekeeper: _____

近畿予選1日目
Women's Epee
Round #1
2024/07/06

Pool # 1	Strip #	Time	Referee(s) I ^{ne}
--------------------	---------	------	-------------------------------

坂上浩一
町田敬史
山本英幸
山本英幸
山本英幸



Pool ID #102

		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	V	TS	TR	Ind	PI
高橋, 愛結羽 龍谷大学付属平安高等学校・中学校	1		V5	D2	D2	D4	D2	D2	D1	D2	D2	D4	1	26	47	-21	11
安達, 奈津子 CRECER FC	2	D2		D3	D1	D2	D2	D4	D0	D3	V5	V5	2	27	44	-17	10
土井, 沙織 高塚高校	3	V5	V5		V5	V5	D4	V5	D3	D4	D3	V5	6	44	33	+11	4
出島, 瑚陽 龍谷大学付属平安高等学校・中学校	4	V5	V5	D1		D3	D2	V4	D1	D2	V4	D3	4	30	38	-8	7
伊藤, 玲奈 同志社女子中学校・高等学校	5	V5	V5	D1	V4		D1	D2	D0	D2	D2	D0	3	22	44	-22	9
沖濱, 彩稀 大阪シティ信用金庫	6	V5	V5	V5	V5	V5		V5	D4	D2	V5	D1	7	42	29	+13	3
川戸, 真紀 西神戸FC	7	V5	V5	D4	D3	V5	D1		D2	D2	D2	D4	3	33	42	-9	8
中村, 優里 滋賀県フェンシング協会	8	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5		V5	D2	D4	8	46	22	+24	2
金氣, 愛華 大阪シティ信用金庫	9	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5	D1		V5	V5	9	46	23	+23	1
近藤, 真帆 神戸クラブ	10	V5	D0	V5	D3	V5	D2	V5	V5	D0		V5	6	35	34	+1	6
田中, 優羽 龍谷大学付属平安高等学校・中学校	11	V5	D4	D2	V5	V5	V5	V5	V5	D1	D4		6	41	36	+5	5

Standard bout order (55 bouts):

- 1-2 5-6
- 7-8 3-1
- 4-5 9-7
- 10-11 6-4
- 2-3 2-5
- 8-9 8-11

- 1-4 10-8
- 7-10 3-6
- 5-3 5-1
- 11-9 11-7
- 1-6 3-4
- 4-2 9-10

- 6-2 1-7
- 3-9 3-9
- 10-4 8-2
- 5-11 9-10

- 1-8 9-2
- 3-10 3-10
- 4-11 4-11
- 6-7 6-7
- 9-1 9-1

- 2-10 11-3
- 3-10 7-5
- 6-8 6-8
- 10-1 10-1
- 11-2 11-2

- 4-7 8-5
- 7-5 6-9
- 11-1 11-1
- 7-3 7-3
- 4-8 4-8

- 9-5 6-10
- 2-7 2-7
- 8-3 8-3
- 4-9 4-9
- 10-5 10-5

6-11

近畿予選1日目
Women's Saber
Round #1
2024/07/06

Pool #	Strip #	Time	Referee(s)
1			サ-7 LL



Pool ID #101

		1	2	3	4	5	6	7	8	V	TS	TR	Ind	PI
金氣, 愛華 大阪シティ信用金庫	1		V5	V5	D3	D1	V5	V5	D2	4	26	24	+2	5
林, 七星 立命館高等学校	2	D1		V5	V5	D1	V5	V5	V5	5	27	23	+4	3
澤田, 佳乃 立命館高等学校	3	D0	D3		D2	D2	D1	D2	D0	0	10	35	-25	8
中島, 桜子 立命館高等学校	4	V5	D4	V5		D1	D0	D1	D2	2	18	30	-12	7
沖濱, 彩稀 大阪シティ信用金庫	5	V5	V5	V5	V5		D4	V5	V5	6	34	15	+19	1
石山, 七星 滋賀県フェンシング協会	6	D4	D1	V5	V5	V5		V5	V5	5	30	21	+9	2
古泉, 佑菜 星陵クラブ	7	D4	D4	V5	V5	D1	D2		D1	2	22	28	-6	6
中道, 怜 同志社女子中学校・高等学校	8	V5	D1	V5	V5	D4	D4	V5		4	29	20	+9	4

Standard bout order (28 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	2 vs. 3	林, 七星 vs. 澤田, 佳乃	V5 - D3	
2	1 vs. 5	金氣, 愛華 vs. 沖濱, 彩稀	D1 - V5	
3	7 vs. 4	古泉, 佑菜 vs. 中島, 桜子	V5 - D1	
4	6 vs. 8	石山, 七星 vs. 中道, 怜	V5 - D4	
5	1 vs. 2	金氣, 愛華 vs. 林, 七星	V5 - D1	
6	3 vs. 4	澤田, 佳乃 vs. 中島, 桜子	D2 - V5	
7	5 vs. 6	沖濱, 彩稀 vs. 石山, 七星	D4 - V5	
8	8 vs. 7	中道, 怜 vs. 古泉, 佑菜	V5 - D1	
9	4 vs. 1	中島, 桜子 vs. 金氣, 愛華	V5 - D3	
10	5 vs. 2	沖濱, 彩稀 vs. 林, 七星	V5 - D1	
11	8 vs. 3	中道, 怜 vs. 澤田, 佳乃	V5 - D0	
12	6 vs. 7	石山, 七星 vs. 古泉, 佑菜	V5 - D2	
13	4 vs. 2	中島, 桜子 vs. 林, 七星	D4 - V5	
14	8 vs. 1	中道, 怜 vs. 金氣, 愛華	V5 - D2	
15	7 vs. 5	古泉, 佑菜 vs. 沖濱, 彩稀	D1 - V5	
16	3 vs. 6	澤田, 佳乃 vs. 石山, 七星	D1 - V5	
17	2 vs. 8	林, 七星 vs. 中道, 怜	V5 - D1	
18	5 vs. 4	沖濱, 彩稀 vs. 中島, 桜子	V5 - D1	
19	6 vs. 1	石山, 七星 vs. 金氣, 愛華	D4 - V5	
20	3 vs. 7	澤田, 佳乃 vs. 古泉, 佑菜	D2 - V5	
21	4 vs. 8	中島, 桜子 vs. 中道, 怜	D2 - V5	
22	2 vs. 6	林, 七星 vs. 石山, 七星	V5 - D1	
23	3 vs. 5	澤田, 佳乃 vs. 沖濱, 彩稀	D2 - V5	
24	1 vs. 7	金氣, 愛華 vs. 古泉, 佑菜	V5 - D4	
25	4 vs. 6	中島, 桜子 vs. 石山, 七星	D0 - V5	

兵庫 西水 勝 滋賀 林 澤 大阪府 中道 裕子
滋賀県 岩木 高志 京都府 石山 七 石山 七 中道 怜

近畿予選1日目
Men's Foil
Round #2
2024/07/07

Pool #	Strip #	Time	Referee(s)
1			フルーセル



Pool ID #110

		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	V	TS	TR	Ind	PI
田中 風舞 京都クラブ	1		V5	D3	V5	D2	V5	V5	D2	V5	V5	6	37	27	+10	4
森 俊樹 星陵クラブ	2	D3		D0	D0	D0	D0	D1	D0	D3	D4	0	11	45	-34	10
湯浅 柗哉 京都府立乙訓高等学校	3	V5	V5		V5	V5	V5	V5	D3	V5	V5	8	43	20	+23	2
北村 賢史 京都クラブ	4	D3	V5	D4		D4	V5	V5	D0	V5	V5	5	36	31	+5	5
松村 侑馬 和歌山クラブ	5	V5	V5	D0	V5		V5	V5	D3	V5	V5	7	38	22	+16	3
杉本 悠樹 清風高等学校	6	D3	V5	D3	D3	D1		V5	D3	V5	V5	4	33	33	0	6
渡辺 裕 河内町フェンシングクラブ	7	D1	V5	D2	D4	D1	D3		D1	D2	V5	2	24	40	-16	8
桐谷 大博 平安高等学校・中学校	8	V5	V5	V5	V5	V5	V5	V5		V5	V5	9	45	18	+27	1
近藤 哲平 同陽高校	9	D1	V5	D1	D2	D3	D1	V5	D2		D4	2	24	40	-16	8
宿院 徳真 滋賀県フェンシング協会	10	D1	V5	D2	D2	D1	D4	D4	D4	V5		2	28	43	-15	7

Standard bout order (45 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 4	田中, 風舞 vs. 北村, 賢史	V5 - D3	
2	6 vs. 9	杉本, 悠樹 vs. 近藤, 哲平	V5 - D1	
3	2 vs. 5	森, 俊樹 vs. 松村, 侑馬	D0 - V5	
4	7 vs. 10	渡辺, 裕 vs. 宿院, 徳真	V5 - D4	
5	3 vs. 1	湯浅, 柗哉 vs. 田中, 風舞	V5 - D3	
6	8 vs. 6	村上, 日陽 vs. 杉本, 悠樹	V5 - D3	
7	4 vs. 5	北村, 賢史 vs. 松村, 侑馬	D4 - V5	
8	9 vs. 10	近藤, 哲平 vs. 宿院, 徳真	D4 - V5	
9	2 vs. 3	森, 俊樹 vs. 湯浅, 柗哉	D0 - V5	
10	7 vs. 8	渡辺, 裕 vs. 村上, 日陽	D1 - V5	
11	5 vs. 1	松村, 侑馬 vs. 田中, 風舞	V5 - D2	
12	10 vs. 6	宿院, 徳真 vs. 杉本, 悠樹	D4 - V5	
13	4 vs. 2	北村, 賢史 vs. 森, 俊樹	V5 - D0	
14	9 vs. 7	近藤, 哲平 vs. 渡辺, 裕	V5 - D2	
15	5 vs. 3	松村, 侑馬 vs. 湯浅, 柗哉	D0 - V5	
16	10 vs. 8	宿院, 徳真 vs. 村上, 日陽	D4 - V5	
17	1 vs. 2	田中, 風舞 vs. 森, 俊樹	V5 - D3	
18	6 vs. 7	杉本, 悠樹 vs. 渡辺, 裕	V5 - D3	
19	3 vs. 4	湯浅, 柗哉 vs. 北村, 賢史	V5 - D4	
20	8 vs. 9	村上, 日陽 vs. 近藤, 哲平	V5 - D2	
21	5 vs. 10	松村, 侑馬 vs. 宿院, 徳真	V5 - D1	
22	1 vs. 6	田中, 風舞 vs. 杉本, 悠樹	V5 - D3	
23	2 vs. 7	森, 俊樹 vs. 渡辺, 裕	D1 - V5	
24	3 vs. 8	湯浅, 柗哉 vs. 村上, 日陽	D3 - V5	
25	4 vs. 9	北村, 賢史 vs. 近藤, 哲平	V5 - D2	

近藤 哲平
京都府立乙訓高等学校

杉本 悠樹
京都府立乙訓高等学校

滋賀県 岸本 英幸
近江大学

近畿予選1日目
Men's Epee
Round #2
2024/07/07

Pool # 1	Strip #	Time	Referee(s) I A
--------------------	---------	------	-------------------



Pool ID #109

		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	V	TS	TR	Ind	PI
田中, 空大 神戸クラブ	1		D0	V5	D3	D3	D2	V5	D1	D4	V5	3	28	35	-7	7
清胤, 慶英 京都クラブ	2	V5		V5	V5	V5	D4	V5	V5	D2	V5	7	41	26	+15	3
木原, 未来吏 和歌山北高校	3	D1	D4		V5	D1	D1	D2	D1	D3	D1	1	19	44	-25	10
片島, 章徳 神戸クラブ	4	V4	D0	D4		D4	V5	D2	D1	D2	D2	2	24	42	-18	9
宮川, 恒 京都クラブ	5	V5	D3	V5	V5		D3	V5	D2	D4	D4	4	36	37	-1	5
山本, 翔磨 神戸クラブ	6	V5	V5	V5	D4	V5		V5	D4	V5	V5	7	43	26	+17	2
深尾, 俐瑠紀 深尾, 俐瑠紀 平安高等学校・中学校	7	D1	D3	V5	V5	D4	D1		D0	D2	V5	3	26	36	-10	8
堀内, 信吾 奈良クラブ	8	V5	D4	V5	V5	V5	V5	V5		D4	V5	7	43	21	+22	1
小坂, 貞治 神戸クラブ	9	V5	V5	V5	V5	V5	D3	V5	V5		D2	7	40	31	+9	4
柴田, 和弥 上宮高等学校	10	D4	D2	V5	V5	V5	D2	D2	D2	V5		4	32	34	-2	6

Standard bout order (45 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 4	田中, 空大 vs. 片島, 章徳	D3 - V4	
2	6 vs. 9	山本, 翔磨 vs. 小坂, 貞治	V5 - D3	
3	2 vs. 5	清胤, 慶英 vs. 宮川, 恒	V5 - D3	
4	7 vs. 10	深尾, 俐瑠紀 vs. 柴田, 和弥	V5 - D2	
5	3 vs. 1	木原, 未来吏 vs. 田中, 空大	D1 - V5	
6	8 vs. 6	堀内, 信吾 vs. 山本, 翔磨	V5 - D4	
7	4 vs. 5	片島, 章徳 vs. 宮川, 恒	D4 - V5	
8	9 vs. 10	小坂, 貞治 vs. 柴田, 和弥	D2 - V5	
9	2 vs. 3	清胤, 慶英 vs. 木原, 未来吏	V5 - D4	
10	7 vs. 8	深尾, 俐瑠紀 vs. 堀内, 信吾	D0 - V5	
11	5 vs. 1	宮川, 恒 vs. 田中, 空大	V5 - D3	
12	10 vs. 6	柴田, 和弥 vs. 山本, 翔磨	D2 - V5	
13	4 vs. 2	片島, 章徳 vs. 清胤, 慶英	D0 - V5	
14	9 vs. 7	小坂, 貞治 vs. 深尾, 俐瑠紀	V5 - D2	
15	5 vs. 3	宮川, 恒 vs. 木原, 未来吏	V5 - D1	
16	10 vs. 8	柴田, 和弥 vs. 堀内, 信吾	D2 - V5	
17	1 vs. 2	田中, 空大 vs. 清胤, 慶英	D0 - V5	
18	6 vs. 7	山本, 翔磨 vs. 深尾, 俐瑠紀	V5 - D1	
19	3 vs. 4	木原, 未来吏 vs. 片島, 章徳	V5 - D4	
20	8 vs. 9	堀内, 信吾 vs. 小坂, 貞治	D4 - V5	
21	5 vs. 10	宮川, 恒 vs. 柴田, 和弥	D4 - V5	
22	1 vs. 6	田中, 空大 vs. 山本, 翔磨	D2 - V5	
23	2 vs. 7	清胤, 慶英 vs. 深尾, 俐瑠紀	V5 - D3	
24	3 vs. 8	木原, 未来吏 vs. 堀内, 信吾	D1 - V5	
25	4 vs. 9	片島, 章徳 vs. 小坂, 貞治	D2 - V5	

好球、西山 勝
 京都府 竹内 智一
 滋賀県 岸本 英幸
 大阪府 好山 裕司
 奈良県 仲川 亮和
 和歌山 佐川 浩

近畿予選1日目
Men's Saber
Round #2
2024/07/07

Pool # 1	Strip #	Time	Referee(s) サ-7"12
--------------------	---------	------	----------------------



Pool ID #111

		1	2	3	4	5	6	7	8	9	V	TS	TR	Ind	PI
増田, 亘 奈良県立平安高等学校・中学校	1		V5	D2	D3	D2	D4	D1	V5	V5	3	27	35	-8	6
羽田, 康孝 奈良クラブ	2	D2		D3	V5	D3	D4	D3	D4	V5	2	29	34	-5	7
中力, 亮 滋賀県フェンシング協会	3	V5	V5		V5	V5	V5	D0	V5	V5	7	35	15	+20	2
大谷, 一心 奈良商工高等学校	4	V5	D0	D1		D0	D3	D2	D1	D2	1	14	38	-24	9
長嶋, 柗司 明石JFC	5	V5	V5	D1	V5		D4	D4	D4	V5	4	33	25	+8	5
水戸, ザビエルスカイ龍馬 かたやんアカデミー	6	V5	V5	D0	V5	V5		D1	D3	V5	5	29	32	-3	4
力武, 優人 ミキハウス	7	V5	V5	V5	V5	V5	V5		V5	V5	8	40	13	+27	1
中島, 昂太朗 清剣會	8	D4	V5	D3	V5	V5	V5	D1		V5	5	33	30	+3	3
丸岡, 展 奈良県立平安高等学校・中学校	9	D4	D4	D0	V5	D0	D2	D1	D3		1	19	37	-18	8

Standard bout order (36 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 9	増田, 亘 vs. 丸岡, 展	V5 - D4	
2	2 vs. 8	羽田, 康孝 vs. 中島, 昂太朗	D4 - V5	
3	3 vs. 7	中力, 亮 vs. 力武, 優人	D0 - V5	
4	4 vs. 6	大谷, 一心 vs. 水戸, ザビエルスカイ龍馬	D3 - V5	
5	1 vs. 5	増田, 亘 vs. 長嶋, 柗司	D2 - V5	
6	2 vs. 9	羽田, 康孝 vs. 丸岡, 展	V5 - D4	
7	8 vs. 3	中島, 昂太朗 vs. 中力, 亮	D3 - V5	
8	7 vs. 4	力武, 優人 vs. 大谷, 一心	V5 - D2	
9	6 vs. 5	水戸, ザビエルスカイ龍馬 vs. 長嶋, 柗司	V5 - D4	
10	1 vs. 2	増田, 亘 vs. 羽田, 康孝	V5 - D2	
11	9 vs. 3	丸岡, 展 vs. 中力, 亮	D0 - V5	
12	8 vs. 4	中島, 昂太朗 vs. 大谷, 一心	V5 - D1	
13	7 vs. 5	力武, 優人 vs. 長嶋, 柗司	V5 - D4	
14	6 vs. 1	水戸, ザビエルスカイ龍馬 vs. 増田, 亘	V5 - D4	
15	3 vs. 2	中力, 亮 vs. 羽田, 康孝	V5 - D3	
16	9 vs. 4	丸岡, 展 vs. 大谷, 一心	V5 - D2	
17	5 vs. 8	長嶋, 柗司 vs. 中島, 昂太朗	D4 - V5	
18	7 vs. 6	力武, 優人 vs. 水戸, ザビエルスカイ龍馬	V5 - D1	
19	3 vs. 1	中力, 亮 vs. 増田, 亘	V5 - D2	
20	2 vs. 4	羽田, 康孝 vs. 大谷, 一心	V5 - D0	
21	5 vs. 9	長嶋, 柗司 vs. 丸岡, 展	V5 - D0	
22	8 vs. 6	中島, 昂太朗 vs. 水戸, ザビエルスカイ龍馬	V5 - D3	
23	7 vs. 1	力武, 優人 vs. 増田, 亘	V5 - D1	
24	4 vs. 3	大谷, 一心 vs. 中力, 亮	D1 - V5	
25	5 vs. 2	長嶋, 柗司 vs. 羽田, 康孝	V5 - D3	

滋賀県 岸本英幸 奈良県 伊川 亮和 大阪府 好川 裕士
鳥取県 西山 勝 京都府 竹内 智一 和歌山 坪井 誠平